

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6419 /BGDDĐT-KHTC

*Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022*

V/v báo cáo tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025


Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh (theo danh sách gửi kèm)

Tiếp theo Công văn số 6003/BGDDĐT-KHTC ngày 14/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đôn đốc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Bộ GDĐT đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh cung cấp bổ sung một số thông tin sau:

1. Báo cáo tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (chi tiết theo Đề cương báo cáo gửi kèm theo công văn).

2. Đề xuất một số giải pháp, biện pháp để huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình hiệu quả.

Báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội trước ngày 20/12/2022 để tổng hợp báo cáo các cơ quan liên quan (*qua Vụ Kế hoạch - Tài chính và gửi bản mềm qua địa chỉ email: dtthu@moet.gov.vn; di động 0912636111*).

Trân trọng./. 

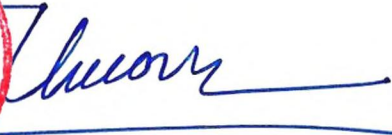
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



  
**Phạm Ngọc Thương**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****DANH SÁCH CÁC TỈNH GỬI CÔNG VĂN**

<b>STT</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>STT</b>	<b>Tỉnh</b>
1	Hà Giang	23	Quảng Ngãi
2	Cao Bằng	24	Bình Định
3	Bắc Kạn	25	Phú Yên
4	Tuyên Quang	26	Khánh Hoà
5	Lào Cai	27	Ninh Thuận
6	Điện Biên	28	Bình Thuận
7	Lai Châu	29	Kon Tum
8	Sơn La	30	Gia Lai
9	Yên Bái	31	Đắk Lắk
10	Hoà Bình	32	Đắk Nông
11	Thái Nguyên	33	Lâm Đồng
12	Lạng Sơn	34	Bình Phước
13	Bắc Giang	35	Tây Ninh
14	Phú Thọ	36	Trà Vinh
15	Ninh Bình	37	Vĩnh Long
16	Thanh Hoá	38	An Giang
17	Nghệ An	39	Kiên Giang
18	Hà Tĩnh	40	Hậu Giang
19	Quảng Bình	41	Sóc Trăng
20	Quảng Trị	42	Bạc Liêu
21	Thừa Thiên Huế	43	Cà Mau
22	Quảng Nam		

# **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## **PHỤ LỤC**

(Kèm theo công văn số: 6419 /BGDDĐT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục  
của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025**

*(Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025; Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục của Chương trình như sau:

#### **1. Thông tin chung về Chương trình**

#### **2. Tình hình ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình**

Báo cáo tình hình ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình. Trường hợp đã ban hành, đề nghị ghi rõ số hiệu và ngày tháng ban hành quyết định và gửi kèm theo báo cáo; trường hợp chưa ban hành đề nghị ghi rõ nguyên nhân và kế hoạch ban hành trong thời gian tới.

#### **3. Tình hình huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình**

##### **3.1. Vốn đầu tư:**

- Tình hình phân bổ và giải ngân vốn Chương trình (chi tiết theo từng công trình theo Phụ lục 01 và 02 kèm theo Công văn số 6003/BGDDĐT-KHTC ngày 14/11/2022).

- Đánh giá khả năng huy động và giải ngân các nguồn lực thực hiện Chương trình, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

### 3.2. Vốn sự nghiệp:

- Tình hình phân bổ và giải ngân vốn Chương trình (chi tiết theo từng công trình theo Phụ lục 01 và 02 kèm theo Công văn số 6003/BGDDĐT-KHTC ngày 14/11/2022).

- Đánh giá khả năng huy động và giải ngân các nguồn lực thực hiện Chương trình, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

## **4. Đánh giá chung tình hình thực hiện Chương trình trong lĩnh vực giáo dục**

4.1. Việc đề xuất cơ chế chính sách đặc thù theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### 4.2. Kết quả thực hiện Chương trình

**5. Khó khăn, vướng mắc trong huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực giáo dục**

### **6. Đề xuất, kiến nghị**